

Thập Tu&#225;n qua 2/7/2009 Ngo&#225;i tr&#225;ng Hoa Kỳ (HK) bà Hillary Clinton đã đến Thái Lan tham d&#225;t lo&#225;t h&#225;i ngh&#225; v&#225;i các n&#225;c Đông Nam Á (ĐNÁ).



Đ&#225;u tiên là h&#225;i ngh&#225; kh&#225;i ASEAN và các đ&#225;i tác nh&#225; Đ&#225;i Hàn, Nh&#225;t B&#225;n, Tân Tây Lan, Úc Đ&#225;i L&#225;i và Liên Âu. Sau đó là h&#225;i ngh&#225; c&#225;a Di&#225;n đ&#225;n An ninh Khu v&#225;c ASEAN (ASEAN Regional Forum – ARF) bao g&#225;m các thành viên k&#225; trên cùng 7 n&#225;c khác thu&#225;c khu v&#225;c Á châu và Thái b&#225;nh D&#225;ng. Trong cu&#225;c h&#225;p báo khi v&#225;a đến Bangkok bà Clinton tuyên b&#225; v&#225;i các n&#225;c ASEAN “Tôi mu&#225;n g&#225;i m&#225;t thông đ&#225;p r&#225;t r&#225; rằng là Hoa Kỳ đã tr&#225; l&#225;i”. Bà Clinton đã đ&#225;i di&#225;n HK ký k&#225;t Hi&#225;p &#225;c H&#225;u ngh&#225; và H&#225;p tác v&#225;i các n&#225;c ASEAN

Cách đây 4 thập niên, ngày 8/6/1969 t&#225;i đ&#225;o Guam, TT Nixon tuyên b&#225; rút 25 ngàn quân M&#225; kh&#225;i Nam VN và s&#225; tu&#225;n t&#225; rút h&#225;t theo m&#225;t l&#225;ch tr&#225;nh s&#225;p s&#225;n. Và t&#225; 1970 HK l&#225;n l&#225;t gi&#225;m quân &#225; Tri&#225;u Tiên, Nh&#225;t B&#225;n, Thái Lan, Phi Lu&#225;t Tân... đ&#225; kh&#225;i đ&#225;u ch&#225;nh s&#225;ch “phi-M&#225; hóa” trong h&#225;c thuy&#225;t hòa b&#225;nh Nixon. Đây là thông đ&#225;p đ&#225;u tiên c&#225;a M&#225; b&#225;t đ&#225;u th&#225;c hi&#225;n k&#225; ho&#225;ch rút lui kh&#225;i ĐNÁ. V&#225;y HK đã đến đây trong b&#225;i c&#225;nh nh&#225; th&#225; nào, và lý do h&#225; ra đi? là n&#225;i dung bài vi&#225;t này.

ĐNÁ là khu v&#225;c đang phát tri&#225;n, đ&#225;i dào tài nguyên có tr&#225; l&#225;ng đ&#225;u m&#225; đáng k&#225; và còn cung c&#225;p cho th&#225; gi&#225;i m&#225;t s&#225; l&#225;n nguyên li&#225;u quan tr&#225;ng khác n&#225;a. ĐNÁ còn là &#225; khóa đ&#225; m&#225; r&#225;ng cánh c&#225;a đi vào l&#225;c đ&#225;a châu Á tr&#225; phú v&#225;i v&#225; tr&#225; ch&#225;n l&#225;ng v&#225; cùng quan tr&#225;ng. N&#225;i đây ki&#225;m soát tuy&#225;n đ&#225;ng hàng h&#225;i qu&#225;c t&#225; n&#225;i li&#225;n Đông B&#225;c Á/Thái B&#225;nh D&#225;ng v&#225;i Trung C&#225;n Đông, Châu Á và Châu Phi. Trong nh&#225;ng năm đ&#225;u c&#225;a thập niên 1940, Nh&#225;t đã t&#225;n công vào ch&#225; đ&#225; th&#225;c dân c&#225;a Châu Âu, đ&#225;a ra kh&#225;u hi&#225;u “Châu Á c&#225;a ng&#225;i Á châu”. H&#225; thành l&#225;p kh&#225;i “Th&#225;nh V&#225;ng Chung Đ&#225;i Đông Á”, gi&#225;i phóng các thu&#225;c đ&#225;a, đ&#225;y &#225;nh h&#225;ng Tây ph&#225;ng ra kh&#225;i khu v&#225;c này.

Tr&#225;c đó, năm 1919 Qu&#225;c t&#225; CS đã chú ý đến phong trào gi&#225;i phóng thu&#225;c đ&#225;a &#225; ph&#225;ng Đông. Lenin tin t&#225;ng các dân t&#225;c thu&#225;c đ&#225;a đ&#225;c Qu&#225;c T&#225; C&#225;ng S&#225;n (QTCS) &#225;ng h&#225; s&#225; đánh b&#225;i b&#225;n đ&#225; qu&#225;c th&#225;c dân, góp ph&#225;n v&#225;i cu&#225;c đ&#225;u tranh c&#225;a giai c&#225;p công nh&#225;n t&#225;i các n&#225;c t&#225;

biến cố đã ảnh hưởng CS đến thế giới hoàn toàn. Lãnh tụ cách mạng VN là ông Hồ Chí Minh đã gia nhập QTCS và thành lập Đảng CS Đông Dương năm 1930. Vì thế TT Roosevelt (Mỹ) mong muốn sau khi Thế Chiến thế giới chấm dứt, các dân tộc ĐNÁ phải được lập và không còn biến động bởi các cường quốc thực dân nữa. Ông đã cao vai trò các nước ĐNÁ đã cùng Đảng mình chiến đấu để xâm lược của Nhật và có ý muốn thế giới hình thành “Châu Á của người Á châu” để xây dựng trên tinh thần quốc gia mới dân tộc.

Sau khi Nhật bại trận, HK đã áp dụng các đường minh Tây Âu trao trả quyền lập cho các thuộc địa trong vùng nhằm ngăn chặn sự bành trướng của chủ nghĩa CS. Rồi thế, thế VN cuối năm 1946 ông Hồ Chí Minh (HCM) đã phát động Toàn quốc kháng chiến. Ông không muốn thế giới hòa bình với Pháp để tranh thủ nền độc lập cho đất nước. Ông chỉ muốn VN trở thành tên lính xung kích của Phong trào giải phóng dân tộc chiến đấu chống chủ nghĩa thực dân đế quốc. Đầu năm 1950, sau chiến thắng ở Hoa Lư, Mao Trạch Đông đã tích cực ủng hộ ông HCM và lập liên minh Việt Minh kháng chiến chống thực dân Pháp. Do đó, Đông Dương đã đi ra cuộc đấu tranh giành độc lập và tự do và kết thúc bằng HĐ Genève 1954: hai miền Nam Bắc VN trở thành tiền thân của Thế giới Tự do (TGTD) và QTCS là ĐNÁ. Riêng Miên, Lào là hai vùng quốc gia trung lập.

Đối với HK, giải pháp Genève với Đông Dương là một thất bại. Nơi đây chủ nghĩa CS đã hoàn thành một bước tiến quan trọng, có thể dẫn đến một cộng đồng Đông Nam Á (1). Tháng 9/1954 HK triệu tập hội nghị Manila thành lập khối Liên phòng Đông Nam Á (SEATO) gồm 8 quốc gia Anh, Pháp, Mỹ, Úc, Tân Tây Lan, Hawaii Quốc, Thái Lan và Phi Luật Tân. Miền Nam VN, Lào và Cam Bốt được đặt dưới sự bảo hộ của tổ chức quốc tế này. HK tin tưởng SEATO sẽ là lá chắn ngăn chặn sự bành trướng của Trung Cộng (TC), bảo vệ hòa bình và an ninh ĐNÁ. Ngoại trưởng Dulles đã nói rõ: “Mục tiêu của Mỹ đối Đông Nam Á và Đông Dương không phải để tham chiến mà là để tránh sự tham chiến”.

Sau Hiệp định Genève 1954, thế giới bước vào giai đoạn hòa hoãn, Liên Xô (LX) chủ trương “chung sống hòa bình” với Mỹ. Nhưng ông HCM núp dưới chiêu bài giải phóng dân tộc, phát động chiến tranh giải phóng Miền Nam VN bằng hình thức khuyến khích và xâm nhập len lút từ ngoài cuộc chiến Đông Dương lần thứ hai, giữa HK ủng hộ VNCH và CSBV yểm trợ con bài của họ là MTGPMN. Cả LX và TC đều tận tình chỉ viện cho CSBV với hai chủ đích khác nhau. LX ra sức tranh thủ Hà Nội, không hề ngăn chặn như hàng ngũ của TC mà còn nhúng vào các quyên lượi kinh tế, chính trị khác nhau, động thái nội dung cuộc chiến VN để thí nghiệm chiến lược bành trướng Chủ Nghĩa Cộng Sản (CNCS) trong thế giới. Còn TC coi cuộc chiến VN là nơi tranh chấp bá quyền của hai siêu cường. Hàng ngũ chiến tranh chiến lược Mỹ - MNVN là nhóm giải quyết lá chắn bảo vệ độc lập dân tộc của các nước thế giới thứ ba. Dựa vào ưu thế của 25 triệu Hoa Kỳ và một quyên kiêu soát nền kinh tế của hầu hết các quốc gia ĐNÁ, Bắc Kinh còn lợi dụng vị trí một quốc gia láng giềng có liên hệ lịch sử và văn hóa lâu đời với các quốc gia trong vùng để tranh giành ảnh hưởng với các cường quốc khác tại đây. Vì thế, thế sau TC II, ĐNÁ là

mặt trong những vùng chịu ảnh hưởng nặng nề nhất của cuộc xung đột quốc tế.

Cuối tháng 10/1966 do đề nghị của Tổng thống Phi Luật Tân Ferdinand Marcos, lãnh tụ các nước Đông minh có quân tham chiến ở Nam VN như TT Park Chung Hee của Đài Hàn, TT Kittikachorn của Thái Lan, TT Harold Holt của Úc, TT Keith Holyoak của Tân Tây Lan và TT Johnson của HK đã gặp gỡ giới lãnh đạo VNCH tại hội nghị Manila. Họ đưa ra sáng kiến hòa bình, chấm dứt chiến tranh bằng đề nghị quân ngoại nhập cùng rút khỏi Nam VN để nhân dân ở đây thực hiện việc hòa giải dân tộc. Hội nghị còn đề xuất ngay kế hoạch phát triển vùng Á Châu/Thái Bình Dương với việc thành lập Ngân hàng Phát triển Á Châu (ADB). Hội nghị đưa ra hai Tuyên ngôn quan trọng về tự do, hòa bình và tiến bộ ở VN và toàn khu vực Á Châu/Thái Bình Dương với 4 mục tiêu chung: Chống xâm lược; Chiến thắng nạn nghèo đói, bần hàn và thất nghiệp; Xây dựng khu vực an ninh và tiến bộ; Thực hiện việc hòa hợp và hòa bình giữa các dân tộc trong vùng. (2)

Hội nghị ngay lập tức kêu gọi trên và soạn thảo của Ngân hàng Phát triển Á Châu mở ra triển vọng hợp tác mới, năm nước Nam Dương, Mã Lai, Singapore, Thái Lan và Phi Luật Tân thành lập “Hiệp hội các Quốc gia Đông Nam Á” (ASEAN) vào tháng 6/1967 với mục đích hợp tác về kinh tế, khoa học kỹ thuật, văn hóa và xã hội giữa các nước trong khu vực. Giới pháp Trung lập hóa toàn cõi Đông Dương cũng được các nước ASEAN đưa ra sau khi HK rút khỏi Đông Dương.

HK can dự vào cuộc chiến VN là nhằm áp lực Hà Nội ngừng vào bàn đàm phán giữa quy tắc chiến tranh bằng con đường hòa bình. HK và Bộ Ngoại vụ cùng hai bên miền Nam VN là VNCH và MTGP đã tham gia cuộc đàm phán ở Paris từ tháng Giêng 1969. Đến tháng Bảy 1969 HK bắt đầu rút quân khỏi Nam VN, TT Nixon đưa ra kế hoạch hòa bình mà nội dung ta thấy là hợp thuyết Nixon hay “phi-Mao hóa”. Theo Nixon, sau khi HK rút khỏi Nam VN, nội dung sẽ diễn ra cuộc tranh chấp mới, không phải giữa TGTD và QTCS mà là giữa LX với TC. Do những sự kiện trên, ĐNÁ có lẽ là nơi trách nhiệm quan trọng về các nguyên tắc sống hòa bình và sự cân nhắc của việc thực thi hợp tác thay cho chính sách đối đầu. Điều này đòi hỏi các công quốc phải cùng nhau giới thiệu quy tắc các cuộc tranh chấp, công nhận hợp pháp chính thức, biến ĐNÁ thành khu vực hòa bình, trung lập mà tất cả đều có thể hội đồng đều tham gia vào thực thi quan trọng này.

Các quốc gia trong vùng cũng luôn bày tỏ lòng mong muốn hòa bình hợp tác và sẵn sàng góp phần giới thiệu quy tắc các vấn đề nội bộ của khu vực. Đầu năm 1971, năm nước ASEAN cùng các quốc gia Á Châu Thái bình Dương như Úc, Tân Tây Lan, Đài Hàn và Nhật Bản hợp hội nghị và quy định cho Nhật, Mã Lai và Nam Dương nghiên cứu giới pháp chấm dứt chiến tranh VN, ngăn chặn không cho cuộc chiến lan rộng qua các nước khác và tìm những phương thức thích hợp để các công quốc giới thiệu mặt xung đột ở khu vực xung quanh. Kết quả vào tháng 11/1971, năm

nhiệm vụ ASEAN ra tuyên bố: “cùng nhau hành động để biến vùng này thành một khu vực hòa bình, tự do và trung lập” (Zone Of Peace, Freedom And Neutrality - (ZOPFAN)

Đỉnh cao của kế hoạch “phi Mỹ-hóa Á Châu, HK chuyển trung lập hóa toàn vùng ĐNÁ. Giới pháp này được sự tán đồng của LX và TC, vì nó làm giảm bớt hiểm họa chiến tranh giữa các cộng đồng quốc gia. Hội thuyết Nixon áp dụng vào Châu Á, chuyển trung lập “Châu Á của người Á châu” trong đó Nhật sẽ đóng vai trò lớn trong việc giúp đỡ các nước ĐNÁ xây dựng thành một khu vực hòa bình, tự do, trung lập và phồn vinh. Thời gian Nhật có khuynh hướng trung lập và chuyển thành lập một lực lượng quốc phòng vừa đủ phòng vệ mà thôi. Nhật đã đặt được một số mục tiêu mà trước đây họ đã phải chịu nhiều hi sinh trong TC II. Ngày nay nhờ sự mở rộng kinh tế họ đã làm tròn nghĩa vụ biến những chiến tranh cho các nước trong vùng và đã xây dựng lại khu vực “Thịnh vượng chung ĐNÁ” nhưng không có tính chất rập khuôn trước đây.

Đối với các nước trong khu vực, nay họ có trách nhiệm xấp xỉ và giới quy định về tranh chấp trong vùng bằng con đường thương lượng hòa bình và thương lượng xuyên tham khảo ý kiến lẫn nhau. Họ sẽ chuyển nhượng lợi ích kháng cự sự can thiệp của ngoại bang cho LHQ hoặc một cơ quan thẩm quyền nào đó do các cộng đồng quốc gia lập ra. Các chương trình viện trợ của HK sẽ được chuyển qua Ngân hàng Thế giới và Ngân hàng phát triển Á Châu với những kế hoạch đi vào hợp do chính các nước trong tổ chức để phát triển này so sánh theo. Trong trường hợp bên ngoài tiến công hoặc những xung đột khu vực không được giới quy định theo thỏa, lôi kéo một nước thứ ba can thiệp vào, HK sẽ dùng sức mạnh để bảo vệ, chuyển lợi ích nhượng bộ can thiệp hay hăm dọa của những cộng đồng quốc gia bên ngoài. HK từ chối sử dụng hỏa lực chế không phải để bình định nội phó với những nội chiến xác định là có ngoại xâm. Các căn cứ để định vị các vùng đông dân của ĐNÁ sẽ không còn binh sĩ HK trú đóng, thay vào đó là những căn cứ để tập trung vào những hòn đảo giữa Thái bình Dương, chuyển yếu tố trọng tâm vào lực lượng di động của Đỉnh cao hiện tại.

Vào đầu thập niên 70, hội thuyết Nixon thể hiện dưới danh nghĩa “VN hóa chiến tranh”. Những “Việt hóa chiến tranh” lợi là để giảm bớt sự can thiệp của hội thuyết Nixon, nó chứng minh thiện chí và quy định tâm kiến theo hòa bình của HK. Hai mục tiêu chính của Mỹ trong việc thực hiện “VN hóa chiến tranh” là trao đổi trách nhiệm cho chính phủ VNCH để HK chuyển bớt nhiệm vụ kiểm soát chiến tranh bằng một giới pháp chính trị công bằng. Một giới pháp không nhượng bộ hợp với lợi ích lẫn nhau của dân tộc VN và các cộng đồng quốc gia liên hệ mà còn là một mục đích để giới quy định các tranh chấp quốc tế trong giai đoạn hòa bình hiện tại và hợp tác giữa các nước.

Đầu năm 1972, TT Nixon đi TC và LX tìm sự kết hợp giữa ba cộng đồng của thời đại để thực hiện việc chung sự hòa bình, hiện chỉ cuộc chuyển vũ trang và làm giảm bớt hiểm họa chiến tranh nguyên tử. Nixon cho rằng từ khi Thế chiến II chấm dứt đến nay, các cuộc xung đột tranh

giành giành các công quốc tiếp diễn không ngừng. Với chính sách “phi-Mô hóa” chủ trương không can thiệp vào nội bộ các nước khác, HK đã đi tiên phong đem lại cho thế giới một hòa bình thực sự do chính HK chủ động có LX và TC tán đồng. Theo quan điểm của TC thì tình trạng bất ổn định nội bộ vài khu vực trên thế giới phát xuất từ tham vọng bá quyền của hai siêu cường. Ngày nay với sự rút lui của HK, sự đe dọa của chủ nghĩa thực dân mới của Mô không còn nữa thì “nghĩa vụ quốc tế” của khối CS yếm trọng các cuộc chiến tranh giành phóng, cũng không còn cần thiết. Như đó hiếm hoi của các cuộc tranh chấp bá quyền sẽ giảm đi nhờ những chủ trương cho giai đoạn hòa bình hợp tác hai bên cùng có lợi. Để chấm dứt sự đối đầu mở ra thời kỳ mới hợp tác trong hòa bình, các công quốc cần mở cuộc đối thoại cùng nhau giải quyết các tranh chấp khu vực. Trong tình hình thế giới có hai hệ thống xã hội chính trị đối lập, đối đầu cần thiết để tránh chiến tranh, giữ gìn hòa bình đòi hỏi các công quốc phải tôn trọng nguyên tắc bất can thiệp, rút lui khỏi các bàn tranh chấp, thả lỏng quy định quy tắc của các dân tộc để họ theo đuổi chính sách trung lập phi liên kết.

Như can thiệp vào VN, khi HĐ Paris 1973 ra đời, HK đã ngăn chặn chủ nghĩa CS tràn xuống ĐNÁ. Vòng đai bao vây TC kéo dài từ Đài Hàn, Nhật Bản, Đài Loan, kéo dài xuống năm nước ASEAN - nay trở thành khu vực hòa bình, tự do, trung lập và phồn vinh. Không những thế, HK còn bắt tay với TC, cả hai cam kết “đều không mưu cầu bá quyền và đều phải đối xử tốt với nước nào hay tập đoàn nào công nhận thiết lập bá quyền đó ở khu vực châu Á”. (3) Trong tình thế đó, HK rút lui khỏi VN và ĐNÁ vào giữa thập niên 1970.

Giữa tháng 5/1975 hai tuần sau khi Hà Nội chiến thắng VN, bộ trưởng Ngoại giao 5 nước ASEAN trong phiên họp thường niên tại Kuala Lumpur đã bày tỏ ý muốn thiết lập bang giao thân hữu với thế giới nước Đông Dương. Họ mong muốn giành được hòa thuận của VN để công nhận ĐNÁ trở thành khu vực hòa bình tự do và trung lập thực sự. Vùng đất chiến lược này lại được Nhật đổ trù một ngân khoản 1600 triệu đô la giúp 8 nước trong vùng gồm 5 nước ASEAN và ba nước Đông Dương xây dựng khu vực Thành phố chung ĐNÁ. Để thực hiện kế hoạch này, tháng 8/1977 TT Takeo Fukuda đến Kuala Lumpur tham dự hội nghị thường niên các nước khối ASEAN, tại đây ông kêu gọi sự hợp tác hữu nghị giữa các nước trong vùng kể cả Miền Bắc và ba nước CS Đông Dương. Thế nhưng Nhật hứa sẽ kinh viện thêm 5 tỷ đôla cho kế hoạch phát triển ĐNÁ thành khu vực phồn vinh. (4) Trước đó, vào ngày 20/6/1976, HK đóng cửa các căn cứ quân sự ở Thái Lan kết thúc sự có mặt của Mô ở đây sau 12 năm can thiệp. SEATO chấm dứt nhiệm vụ và giải tán ngày 30/6/1977.

Chú thích:

1- The Pentagon Papers, Published by The New York Times, Bantam Books, NY, 1971, P.15.

2- Lyndon B. Johnson, The Vantage Point: Perspectives of the Presidency, Redwood Press Ltd, London, 1972, PP. 248-249.

3- Henry Steele Commager, Documents of American History, Vol II: Since 1898, Prentice Hall, Inc, New Jersey, 1973, P. 706.

4- The Year Book 1978, Grolier Incorporated, USA, 1978, PP. 103 + 272.